

Lớp Phật Pháp Buddhaddhamma
Giáo trình TƯƠNG ƯNG BỘ – SAMYUTTANIKĀYA

Bài học ngày 20.4.2021

VƯỢT KHỎI VÒNG CƯƠNG TOẢ CỦA TỬ THẦN

Kinh Mong Muốn Kiêu Mạn (Mānakāmasuttam)

CHƯƠNG 1. TƯƠNG ƯNG CHỦ THIÊN, PHẨM CÂY LAU

(Tập 36.4, Đại 2,261a. Biệt Tập 8.2, Đại 2,426a) (S.i,4)

Tam giới bao trùm tất cả cảnh giới tử sanh của chúng sanh vạn loại. Cho dù cảnh khổ hay vui, cao hay thấp đều nằm trong vòng cương toả của Tử thần. Khi nhìn về phương diện này phải nhìn toàn diện rộng lớn. Con đường giải thoát là sự thực hành bát chánh đạo hay tam học giới, định, huệ phải được khẳng định với nỗ lực không xao lãng. Khi nhìn về phương diện này phải nhìn thẳng vào đời sống nội tại cá nhân. Ai thấy được khởi điểm rất riêng tư đó giải quyết dẫn đến sự vượt thoát cảnh giới cao rộng của Tử thần thì người đó được xem là lãnh hội được lời Phật dạy.



Kinh Văn

Sāvattṇidānaṃ. Ekamantaṃ ʈitā kho sāvā devatā bhagavato santike imaṃ gāthaṃ abhāsi :

... Nhân duyên ở (Sāvattṇī), Đứng một bên, vị Thiên ấy nói lên bài kệ này trước mặt Thế Tôn:

"Na mānakāmassa damo idhatthi,

Đối vị wa kiêu mạn,

Ở đây không điều phục,

Na monamatthi asamāhitassa.

Không trí tuệ sáng suốt,

Không định tĩnh nhiếp tâm,

Eko araññe viharaṃ pamatto,
Độc thân trú rừng núi,
Sống với tâm phóng dật,

Na maccudheyassa tareyya pāranti..
Vị ấy không vượt khỏi,
Sự chi phối ma lực.

*(Ở đây không điều phục
Với người ưa kiêu mạn
Cũng không có tuệ giác
Với ai không thiên định
Dù độc cư trong rừng
Nhưng sống trong giải đãi
Vị ấy không vượt thoát
Cảnh giới của Tử thân)*

(Thế Tôn):

'Mānaṃ pahāya susamāhitatto,
Từ bỏ mọi kiêu mạn,
Tâm tư khéo nhiếp định,

Sucetaso sabbadhi vippamutto.
Với tâm khéo tư sát,
Giải thoát mọi phiền trược,

Eko araññe viharaṃ appamatto,
Độc thân trú rừng núi (giới),
Với tâm không phóng dật,

Sa maccudheyassa tareyya pāranti..
Vị ấy vượt thoát khỏi,
Sự chi phối ma lực.



Thích văn

Mānakāma: dục mạn

dama: điều phục

Mona: tuệ giác

asamāhita: không định tĩnh nhiếp tâm, susamāhitatta: khéo tập chú

Pamatto: phóng dật, giải đãi / appamatta: không xao lãng

Maccudheyya: Cảnh giới hay vòng cương toả của Tử thân

Sucetasa: khéo tư sát

pāra: bờ kia (bỉ ngạn)



Thích nghĩa

Sớ giải nêu một số điểm trong hai kệ ngôn trên chỉ cho hành trình tăng thượng học pháp:

Từ bỏ kiêu mạn - mānaṃ pahāya - chỉ cho tăng thượng học giới

Điều phục - dama - chỉ cho định học tăng thượng

Mona - tuệ giác - chỉ cho tuệ học tăng thượng

Cảnh giới của Tử thân - maccudheyya - chỉ cho tam giới của sanh tử

Bờ kia - pāra - chỉ cho niết bàn

*Dịch giả: Hoà Thượng Thích Minh Châu
Biên soạn Giáo trình: Tỳ kheo Giác Đăng*

-ooOoo-

9. Mānakāmasuttaṃ [Mūla]

9. Sāvattihinidānaṃ. Ekamantaṃ t̥hitā kho sā devatā bhagavato santike imaṃ gāthaṃ abhāsi :

"Na mānakāmassa damo idhatthi,
Na monamatthi asamāhitassa.
Eko araṇṇe viharaṃ pamatto,
Na maccudheyassa tareyya pāraṇṇi..
"Mānaṃ pahāya susamāhitatto,
Sucetaso sabbadhi vippamutto.
Eko araṇṇe viharaṃ appamatto,
Sa maccudheyassa tareyya pāraṇṇi..

9. Mānakāmasuttavaṇṇanā [Aṭṭhakathā]

9. Navame **mānakāmassā**ti mānaṃ kāmentassa icchantassa. **Damoti** evarūpassa puggalassa samādhipakkhiko damo natthīti vadati. “Saccena danto damasā upeto, vedantagū vusitabrahmacariyo”ti (saṃ. ni. 1.195) ettha hi indriyasamvaro damoti vutto. “Yadi saccā damā cāgā, khantya bhiiyodha vijjati”ti (saṃ. ni. 1.246; su. ni. 191) ettha paññā. “Dānena damena saṃyamena saccavajjena atthi puññaṃ, atthi puññassa āgamo”ti (saṃ. ni. 4.365) ettha uposathakammaṃ. “Sakkhissasi kho tvam, puṇṇa, iminā damūpasamena samannāgato sunāparantasmim̐ janapade viharitu”nti (saṃ. ni. 4.88; ma. ni. 3.396) ettha adhvāsānakhanti. Imasmim̐ pana sutte damoti samādhipakkhikadhammānaṃ etaṃ nāmaṃ. Tenevāha – “na monamatthi asamāhitassā”ti. Tattha **monanti** catumaggañānaṃ, tañhi munāṭīti monaṃ, catusaccadhamme jānāṭīti attho. **Maccudheyassā**ti tebhūmakavattassa. Tañhi maccuno paṭivijjheyya maccudheyanti vuccati. **Pāraṇṇi** tasseva pāraṃ nibbānaṃ. **Tareyyā**ti paṭivijjheyya pāpuṇeyya vā. Idaṃ vuttaṃ hoti – eko araṇṇe viharanto pamatto puggalo maccudheyassa pāraṃ na tareyya na paṭivijjheyya na pāpuṇeyyāti.

Mānaṃ pahāyāti arahattamaggena navavidhamānaṃ pajahitvā. **Susamāhitattoti** upacārappanāsamādhīhi sutṭhu samāhitatto. **Sucetasoti** ñāṇasampayuttatāya sundaracitto. Ñāṇavippayuttacittena hi sucetasoti na vuccati, tasmā ñāṇasampayuttana sucetaso hutvāti attho. **Sabbadhi vippamuttoti** sabbesu khandhāyatanādīsu vippamutto hutvā. **Tareyyāti** ettha tebhūmakavattaṃ samatikkamanto nibbānaṃ paṭivijjhanto taratīti paṭivedhatarānaṃ nāma vuttaṃ. Iti imāya gāthāya tisso sikkhā kathitā honti. Kathaṃ – māno nāmāyaṃ sīlabhedano, tasmā “mānaṃ pahāyā”ti iminā adhisīlasikkhā kathitā hoti. “Susamāhitatto”ti iminā adhicitasikkhā. “Sucetaso”ti ettha cittena paññā dassitā, tasmā iminā

adhipaññāsikkhā kathitā. Adhisīlañca nāma sīle sati hoti, adhiccittam citte sati, adhipaññā paññāya sati. Tasmā sīlam nāma pañcapi dasapi sīlāni, pātimokkhasamvaro adhisīlam nāmāti veditabbam. Attha samāpattiyo cittam, vipassanāpāda-kajjhānam adhiccittam. Kammassakataññaṃ paññā, vipassanā adhipaññā. Anuppannēpi hi buddhuppāde pavattatīti pañcasīlam dasasīlam sīlameva, pātimokkhasamvarasīlam buddhuppādeyeveva pavattatīti adhisīlam. Cittapaññāsupi eseva nayo. Apica nibbānaṃ patthayantena samādinnaṃ pañcasīlampi dasasīlampi adhisīlameva. Samāpannā attha samāpattiyopi adhiccittameva. Sabbampi vā lokiyasīlam sīlameva, lokuttaram adhisīlam. Cittapaññāsupi eseva nayoti. Iti imāya gāthāya samodhānetvā tisso sikkhā sakalasāsaṇaṃ kathitaṃ hotīti.

Mānakāmasuttavaṇṇanā niṭṭhitā.